

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 90/2022/DS-ST

Ngày: 19 - 4 - 2022

V/v tranh chấp hụi

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Xuân Minh

Ông Nguyễn Trường Hận

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Việt Xô là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 19 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 411/2021/TLST-DS ngày 15 tháng 12 năm 2021 về việc “Tranh chấp hụi”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2022/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1967;

Bà Võ Cẩm C, sinh năm 1978 (Có mặt);

Cùng cư trú: Ấp 2, xã K, huyện T, tỉnh C.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn L: Bà Võ Cẩm C, sinh năm 1978; cư trú: Ấp 2, xã K, huyện T, tỉnh C (Có mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1961; cư trú: Ấp 1, xã K, huyện T, tỉnh C (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 14/12/2021, đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 25/02/2022 và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Võ Cẩm C trình bày:

Ngày 09/10/2019 âm lịch, bà và chồng là ông Nguyễn Văn L có mở dây hụi loại 3.000.000 đồng, gồm 37 phần, mỗi tháng mở hụi 01 lần, ông Nguyễn Văn D tham gia 01 phần, đến lần thứ 19 thì ông D hốt hụi được số tiền 77.400.000 đồng. Từ tháng 6 năm 2021 đến nay ông D không đóng hụi chết cho bà mặc dù bà đã đến nhà yêu cầu nhiều lần. Tính đến ngày xét xử thì ông D nợ bà 11 lần hụi chết bằng 33.000.000 đồng, do ông D không có thiện chí tiếp tục đóng hụi chết cho bà nên bà

yêu cầu ông D trả cho bà số tiền hội chết tính đến ngày mãn hội (tháng 9 năm 2022) là 48.000.000 đồng (16 lần x 3.000.000 đồng).

Tại biên bản hòa giải ngày 25/02/2022 và tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Văn D trình bày:

Ông thống nhất với lời trình bày của bà Võ Cẩm C về việc ông có tham gia dây hội mở ngày 09/10/2019 âm lịch do ông L và bà C làm chủ, ông hót hội ở kỳ thứ 19 được số tiền 77.400.000 đồng. Ông thừa nhận còn nợ 16 lần hội chết bằng 48.000.000 đồng. Do ông L và bà C tự ý ngừng hội là vi phạm hợp đồng góp hội nên ông yêu cầu như sau:

Em của ông là bà Dương Thị Phượng cũng tham gia dây hội này, bà Phượng chưa hót hội, ông yêu cầu lấp phần hội chết của ông cho phần hội sống của bà Phượng. Theo đó, ông sẽ giao số tiền 48.000.000 đồng cho bà Phượng, không giao tiền cho ông L và bà C.

Trường hợp không được Hội đồng xét xử chấp nhận, ông yêu cầu đối trừ tiền hội với ông L và bà C. Theo đó, ông hót hội được số tiền 77.400.000 đồng, ông đã đóng được 19 lần hội sống và 02 lần hội chết bằng tổng số tiền 45.000.000 đồng, ông yêu cầu đối trừ số tiền này vào số tiền ông đã hót hội, như vậy ông chỉ còn nợ ông L và bà C số tiền 32.400.000 đồng (77.400.000 đồng – 45.000.000 đồng), ông đồng ý trả cho ông L và bà C số tiền này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Văn L và bà Võ Cẩm C đòi bị đơn ông Nguyễn Văn D trả nợ hội số tiền 48.000.000 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Tại phiên tòa, các đương sự thống nhất xác định: Ngày 09/10/2019 âm lịch ông Nguyễn Văn L và bà Võ Cẩm C có mở dây hội loại 3.000.000 đồng, gồm 37 phần, mỗi tháng mở hội 01 lần, ông Nguyễn Văn D tham gia 01 phần, đến kỳ thứ 19 thì ông D hót hội được số tiền 77.400.000 đồng. Từ tháng 6 năm 2021 đến nay ông D không đóng hội chết cho ông L và bà C. Tính đến ngày xét xử (ngày 19/4/2022) ông D nợ ông L và bà C 11 kỳ hội chết bằng số tiền 33.000.000 đồng. Tính đến ngày mãn hội (tháng 9/2022) ông D nợ ông L và bà C 16 kỳ hội chết bằng số tiền 48.000.000 đồng.

Điểm c khoản 1 Điều 16 và điểm a khoản 1 Điều 17 Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hội, biểu, phường quy định: “Thành viên tham gia hội có nghĩa vụ tiếp tục góp các phần họ để các thành viên khác được lĩnh cho đến khi thành viên cuối cùng lĩnh họ trong trường hợp đã lĩnh họ trước các thành viên khác”; “Chủ họ có quyền thu phần họ của các thành viên”. Với quy định này, ông D là thành viên đã hót hội có nghĩa vụ tiếp tục góp

các phần hội chết cho chủ hội; ông L và bà C là chủ hội có quyền thu phần hội chết mà ông D góp hàng tháng để giao cho các thành viên hót hội sau.

Ông D cho rằng do ông L và bà C tự ý ngừng hội là vi phạm hợp đồng góp hội nên ông không đồng ý tiếp tục góp hội chết cho ông L và bà C. Xét thấy, việc góp hội chết là nghĩa vụ của thành viên đã hót hội nên ông D phải có trách nhiệm góp hội chết cho chủ hội. Từ ngày ngừng hội (tháng 6/2021) đến ngày xét xử (ngày 19/4/2022) ông D đã vi phạm nghĩa vụ góp hội 11 kỳ bằng số tiền 33.000.000 đồng. Tuy đây hội ngừng từ tháng 6/2021 nhưng ông L và bà C vẫn tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ hội, trong đó có nộp thay phần hội chết mà ông D phải góp hàng tháng cho các thành viên chưa lĩnh hội. Theo đó, một số thành viên chưa lĩnh hội tại đây hội này như ông Mai Văn Nhận, ông Đỗ Trường Sơn, bà Nguyễn Thị Bùi Ría, bà Phạm Thị Hoa, bà Triệu Ngọc Bích đã khởi kiện ông L và bà C tại Tòa án và đã được Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời giải quyết bằng các bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (Bản án số: 51/2022/DS-ST ngày 24/02/2022, Bản án số: 67/2022/DS-ST ngày 16/3/2022, Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số: 14/2022/QĐST-DS ngày 14/01/2022, Quyết định công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án số: 23/2022/QĐCNHGT-DS ngày 14/4/2022, Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số: 51/2022/QĐST-DS ngày 14/3/2022). Do ông D đã vi phạm nghĩa vụ góp hội chết 11 kỳ và không có thiện chí tiếp tục góp hội chết ở các kỳ tiếp theo cho ông L và bà C nên để đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp cho ông L và bà C, cần buộc ông D trả cho ông L và bà C toàn bộ tiền hội chết là phù hợp.

Xét yêu cầu lấp hội, đối trừ tiền hội của bị đơn ông D, thấy rằng: Do các yêu cầu này của ông D không phù hợp với quy định của pháp luật nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông L và bà C, buộc bị đơn ông D trả cho ông L và bà C số tiền 48.000.000 đồng.

[2] Về án phí: Do Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông L và bà C nên bị đơn ông D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, ông D là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên Hội đồng xét xử xét miễn án phí cho ông D.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 15, 16, 17, 18 Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hội, biểu, phường; Điểm d khoản 1 Điều 12, Điều 14, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14

ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn L và bà Võ Cẩm C.

Buộc ông Nguyễn Văn D trả cho ông Nguyễn Văn L và bà Võ Cẩm C số tiền 48.000.000 đồng (Bốn mươi tám triệu đồng).

1. Về án phí:

- Ông Nguyễn Văn D được miễn án phí.
- Ông Nguyễn Văn L và bà Võ Cẩm C không phải chịu án phí. Ngày 14/12/2021 ông L và bà C đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0004230; ngày 22/3/2022 bà C đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 825.000 đồng (Tám trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0004560 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau, được nhận lại.

2. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn L, bà Võ Cẩm C; bị đơn ông Nguyễn Văn D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Dương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Lê Thị Hồng Hà

